

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thanh Hào - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Lưu Bích N, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: S, Saitamashi, Minamiku M 2-9-19 CERA M 102-go, Japan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lưu Bích N nhận các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Tạ Thị N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 15/12/2020, nguyên đơn anh Bùi Văn P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tháng 1/2010 anh và chị Lưu Bích N có kết hôn tại thôn S (nay là thôn Đ), xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và được Ủy ban nhân dân xã T chấp thuận. Hai bên là tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ

chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Năm 2013 chị Lưu Bích N đi nước ngoài. Sau khi chị N đi nước ngoài thì mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Hai vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi nhau nhiều lần. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và chị Lưu Bích N ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 31/5/2011. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, Giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt (có điểm chỉ dấu vân tay của chị N) gửi từ nước ngoài về, bị đơn chị Lưu Bích N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn dài ngày, cùng với việc làm ăn xa quê hương lâu ngày dẫn đến mối quan hệ vợ chồng không còn được đồng nhất. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã dẫn đến trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Trong cuộc sống hôn nhân không còn tìm thấy sự cảm thông thấu hiểu nên chị và anh Bùi Văn P quyết định ly hôn. Chị đồng ý ly hôn theo đơn ly hôn mà anh Bùi Văn P đã nộp lên Tòa.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Phương T, sinh năm 2011. Là một người mẹ chị tha thiết mong muốn được chăm sóc cho con, nhưng hiện tại con chị đã đủ nhận thức, nên chị đồng ý theo nguyện vọng của con khi con lựa chọn người nuôi dưỡng. Chị đề nghị được thỏa thuận với anh P về vấn đề, quyền và nghĩa vụ nuôi con khôn lớn.

- Về tài sản chung: Chị xin được tự thỏa thuận.

Ngoài ra tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N trình bày: Do bận không sắp xếp được công việc riêng, hiện chị đang đi làm ăn xa nên chị không thể tham gia các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án được nên chị xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, lấy lời khai, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Chị ủy quyền cho chị Tạ Thị N, sinh năm 1991, CMND số 122040633; địa chỉ: xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị đến Tòa án nộp các tài liệu, giấy tờ, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhận bản án, trích lục khi Tòa án xét xử xong vụ án ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn P. Chị Tạ Thị N có trách nhiệm thông báo lại ngay cho chị nội dung các văn bản đó. Thời hạn ủy quyền ngay sau khi giải quyết xong vụ án ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn P.

Ngày 06/4/2021, anh Bùi Văn P đã có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tại Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt và Giấy ủy quyền do chị Lưu Bích N gửi về để có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết, dấu vân tay này đúng là của chị Lưu Bích N.

Ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định trưng

cầu giám định số: 14/2021/QĐ-TCGD, trung cầu giám định dấu vân tay tại Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt và Giấy ủy quyền theo đơn đề nghị của anh P tại Phòng Giám định, Công an tỉnh Bắc Giang.

Tại Kết luận giám định số: 807/KL-KTHS ngày 14/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận: Các dấu vân màu đỏ in dưới mục “Ngón trở phải” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với dấu vân in tại ô “Ngón trở phải” trên bản sao “Tờ khai chứng minh nhân dân” số 122195922 của Lưu Bích N do Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp (ký hiệu M) là của cùng một người.

Đối với kết quả giám định anh P không có ý kiến gì, anh xin chịu chi phí giám định. Số tiền tạm ứng chi phí giám định anh đã nộp 5.000.000 đồng và chi phí hết 3.240.000 đồng. Tòa án đã hoàn trả anh P 1.760.000 đồng. Anh P đã nhận đủ và không có ý kiến gì.

Cháu Bùi Phương T có đơn trình bày: Cháu là con của bố Bùi Văn P và mẹ Lưu Bích N, bố mẹ cháu không ở với nhau mà phải ly hôn cho cháu ở cùng bố vì mẹ cháu đi làm ăn xa không có nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Lưu Bích N và anh Bùi Văn P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của anh P và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh Bùi Văn P, bị đơn chị Lưu Bích N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 227, 228, 238 và khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn P. Xử:

Về hôn nhân: Cho anh Bùi Văn P được ly hôn chị Lưu Bích N.

Về con chung: Giao anh Bùi Văn P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 31/5/2011. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Lưu Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này

Về tài sản chung, công nợ chung chị N, anh P đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải.

Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

Về chi phí giám định: Anh P tự nguyện xin chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn P, chị Lưu Bích N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, chị N.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Bùi Văn P cư trú ở Việt Nam là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Lưu Bích N, chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, hiện chị N đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn P và chị Lưu Bích N đăng ký kết hôn ngày 24/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2013, chị Lưu Bích N đi nước ngoài. Sau khi chị N đi nước ngoài thì mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Hai vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi nhau nhiều lần. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh và chị Lưu Bích N ly hôn.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh P. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh P, chị N chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian. Năm 2013 chị N đi lao động nước ngoài. Sau khi chị N đi nước ngoài thì mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Do mâu thuẫn dài ngày, cùng với việc làm ăn xa quê hương lâu ngày dẫn đến mối quan hệ vợ chồng chị N và anh P không còn được đồng nhất. Trong cuộc sống hôn nhân không còn tìm thấy sự cảm thông thấu hiểu nên khi anh P xin ly hôn chị N biết thông tin và có văn bản gửi từ nước ngoài về đồng ý ly hôn theo đơn ly hôn mà anh Bùi Văn P đã nộp lên Tòa (tài liệu này đã được giám định). Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Văn P xử cho anh P và chị N được ly hôn.

[4]. Về nuôi con chung: Anh P và chị N đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 31/5/2011. Khi ly hôn, anh P đề nghị

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh P Hội đồng xét xử thấy: Chị Lưu Bích N hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị N có ý kiến đồng ý theo sự lựa chọn của con khi con chọn người nuôi dưỡng. Cháu Bùi Phương T có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn P giao con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 31/5/2011 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh P, chị N đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Bùi Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Anh P đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng chi phí giám định, chi phí giám định hết số tiền 3.240.000 đồng. Tại đơn đề nghị giám định các tài liệu do chị N gửi từ nước ngoài về anh P trình bày anh xin chịu toàn bộ chi phí giám định. Hội đồng xét xử thấy: Anh P tự nguyện xin chịu cả tiền chi phí giám định là phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Do vậy, sau khi trừ tiền chi phí giám định hết 3.240.000 đồng, còn thừa số 1.760.000 đồng, số tiền này đã hoàn trả anh P, anh P đã nhận đủ và không có ý kiến. Xác nhận anh P đã nộp đủ chi phí giám định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 271, Điều 273,

khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Nguyệt Văn P.

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn P được ly hôn chị Lưu Bích N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Bùi Phương T, sinh ngày 31/5/2011 cho anh Bùi văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Lưu Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000003 ngày 06/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về chi phí giám định: Xác nhận anh Bùi Văn P đã nộp đủ tiền chi phí giám định 3.240.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án.

Chị Lưu Bích N hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Y;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

